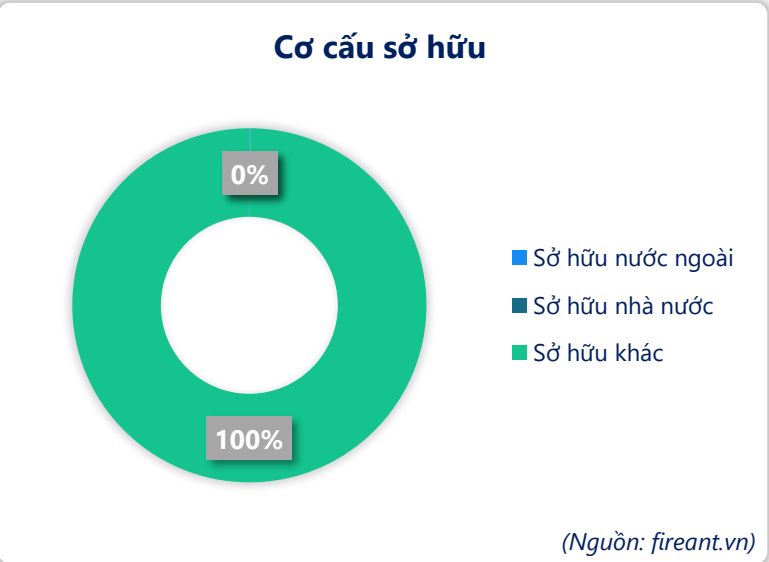
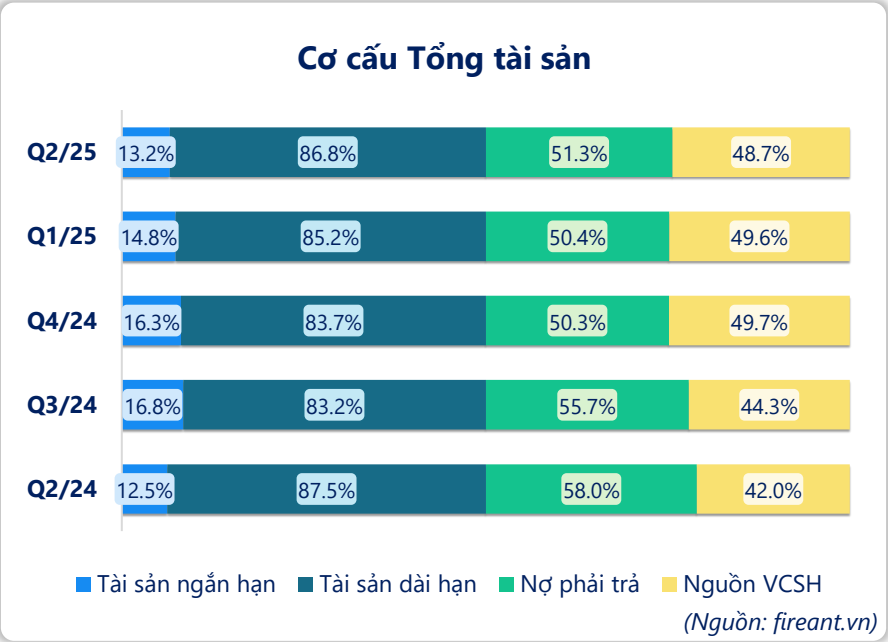
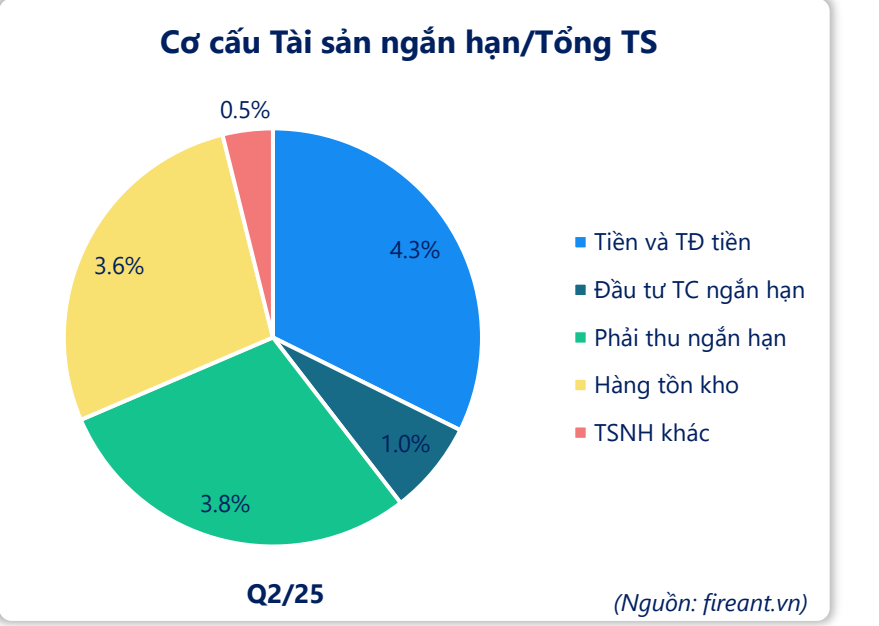
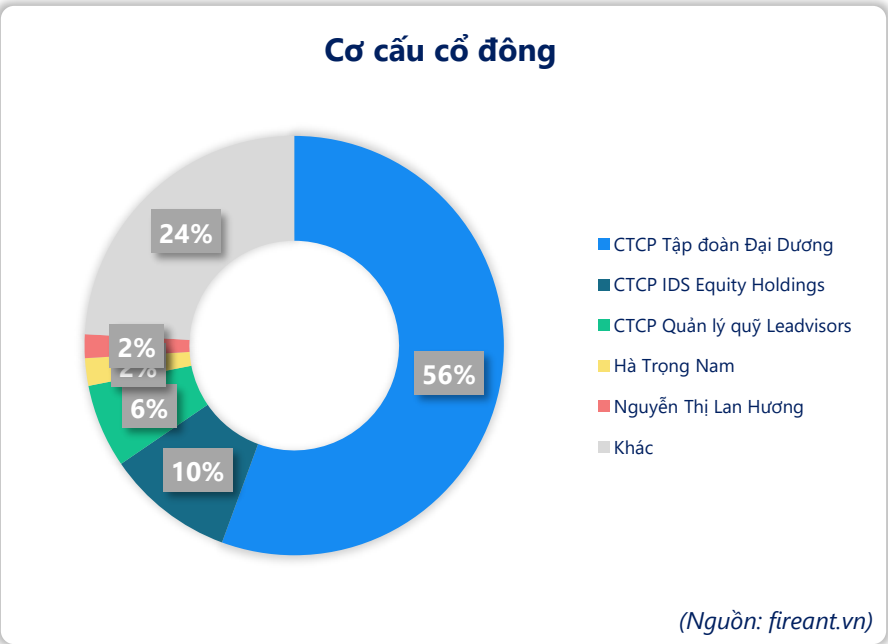
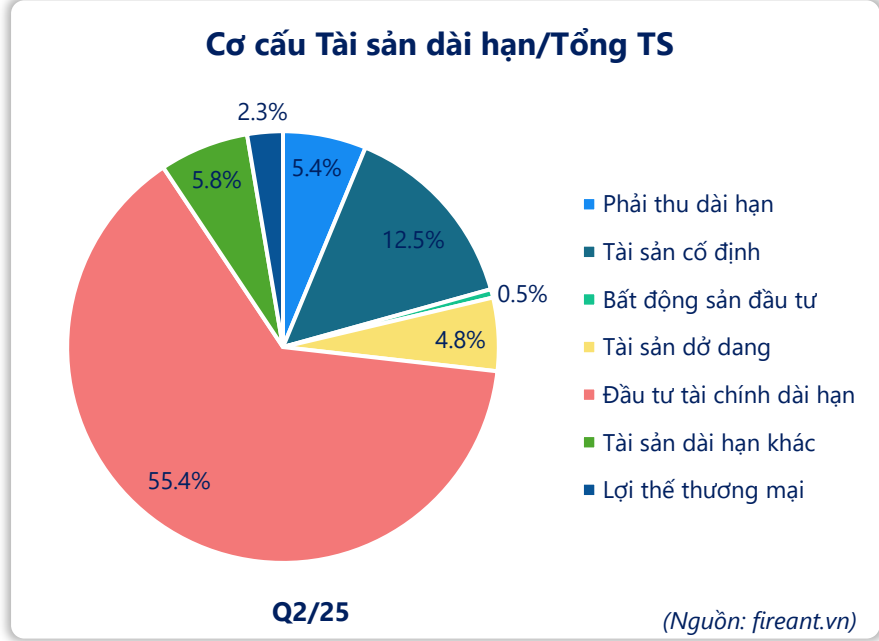


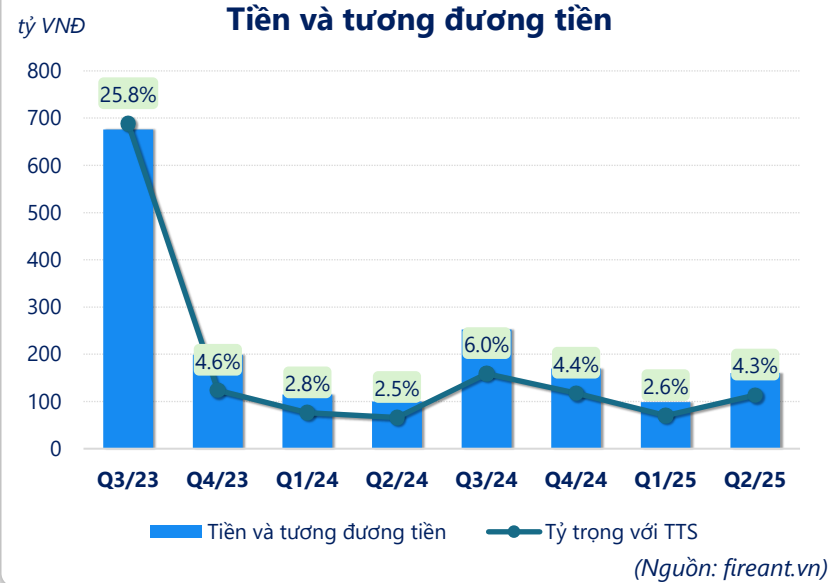
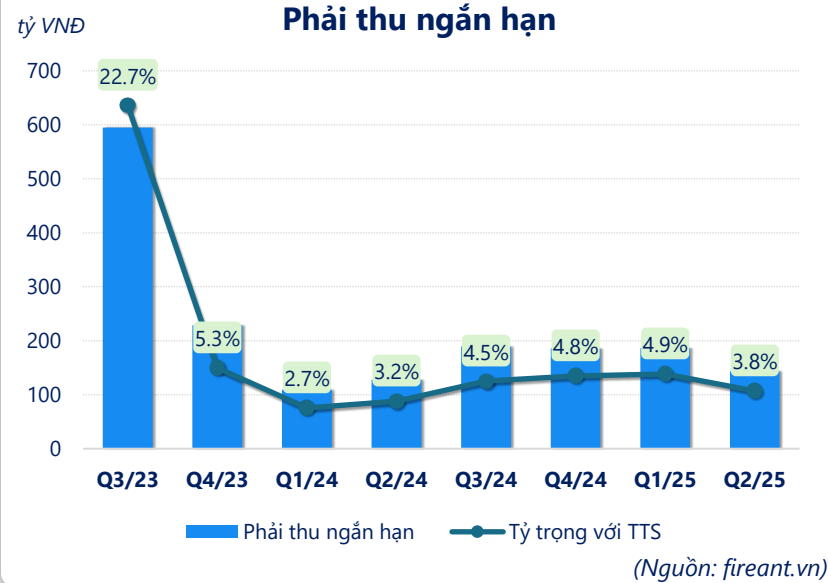
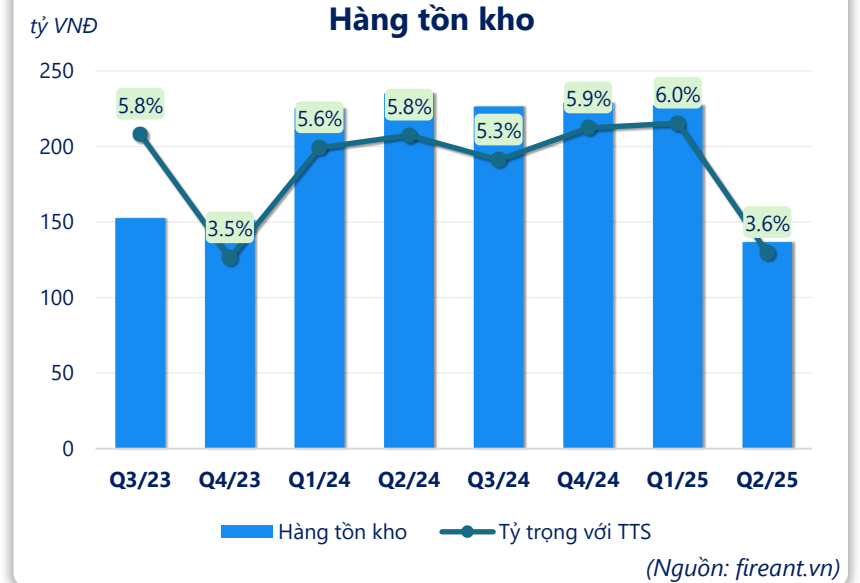
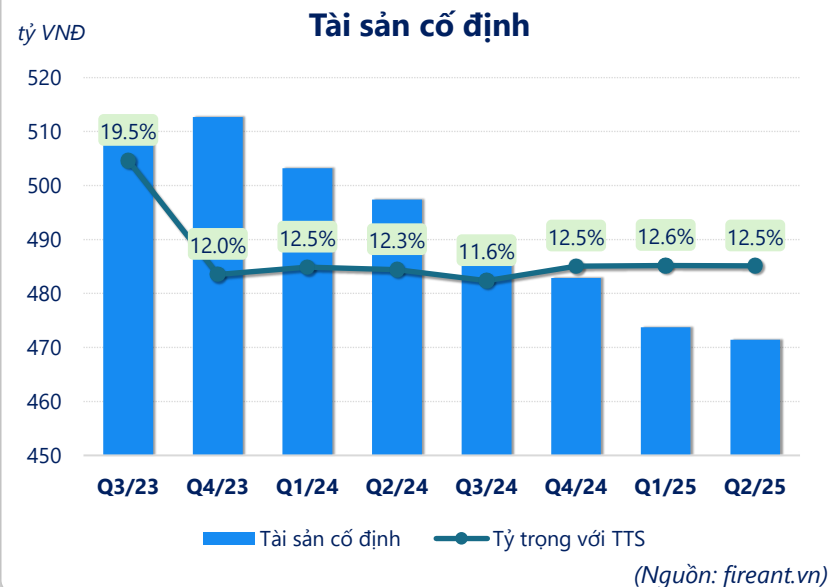
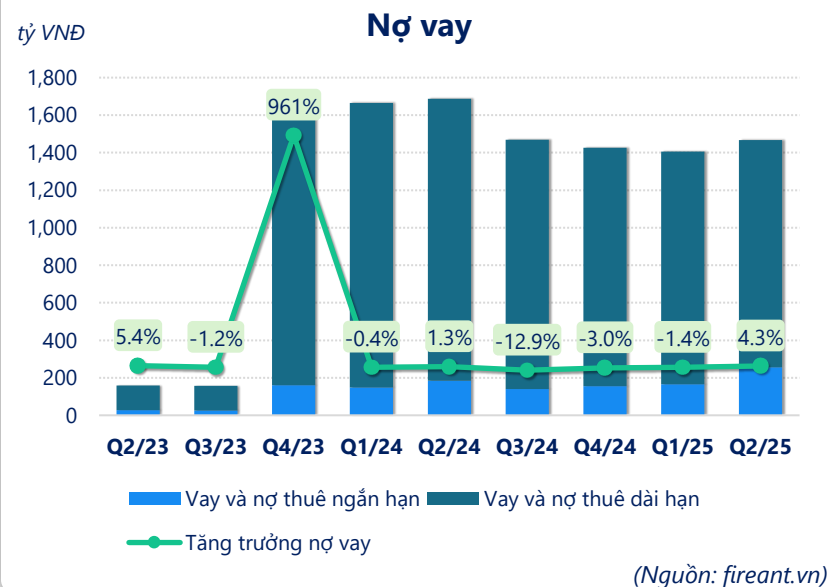
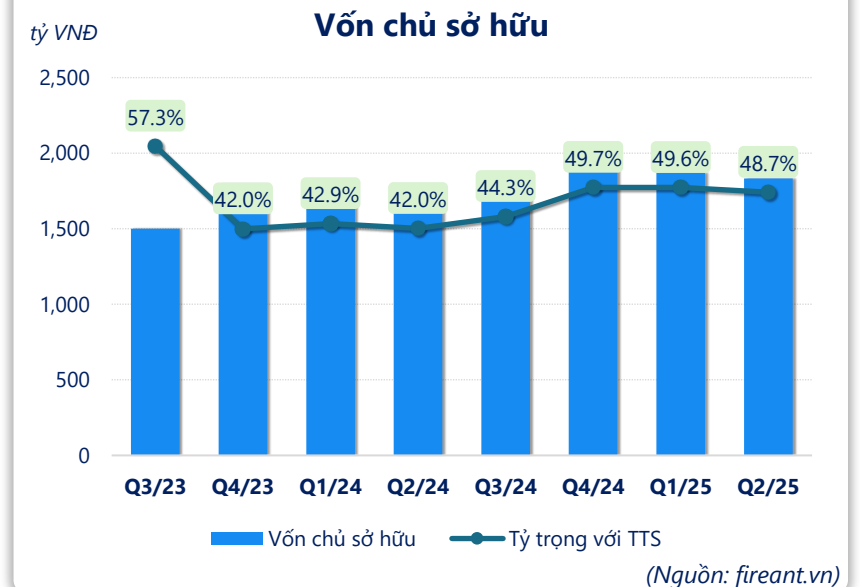
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,100
SL cổ phiếu LH		200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20,270
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,180
P/E		7.0
EPS		842

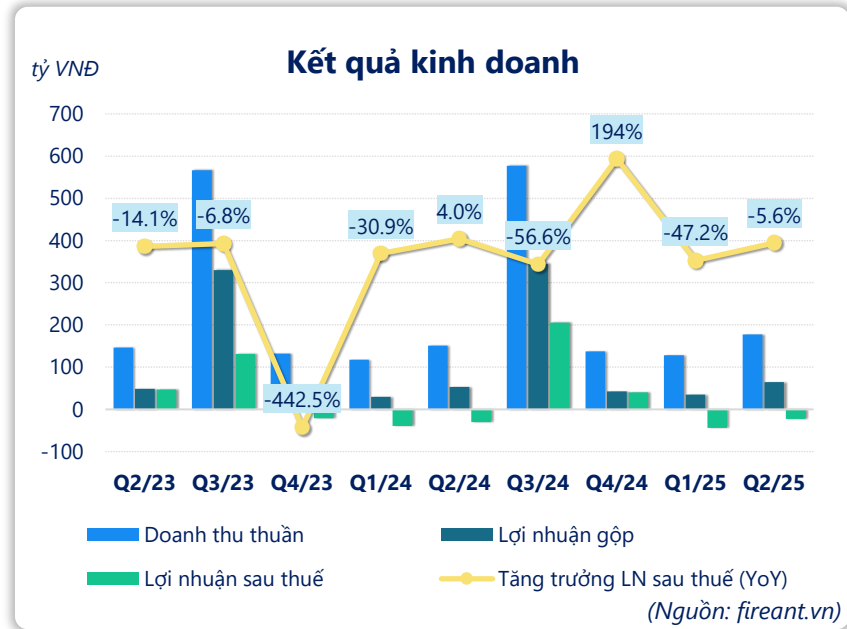
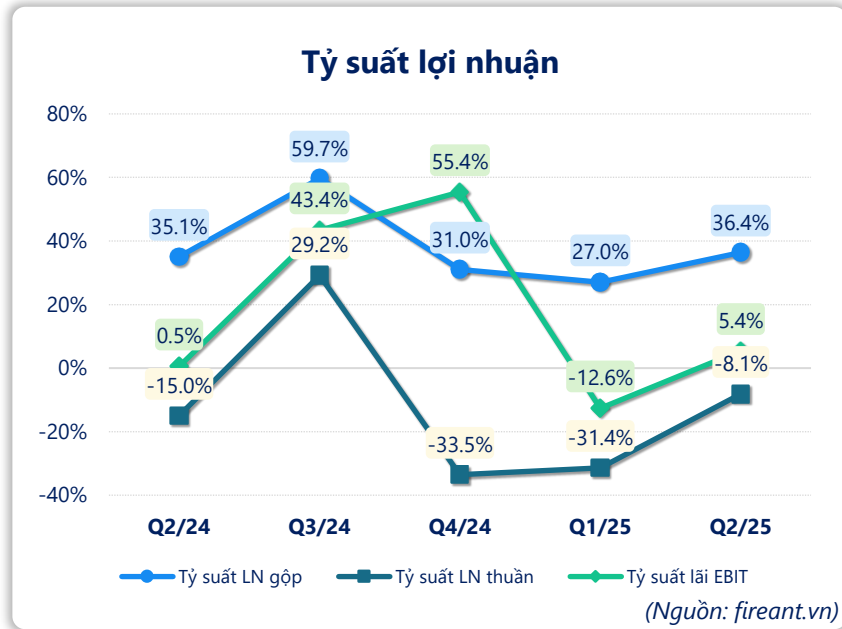
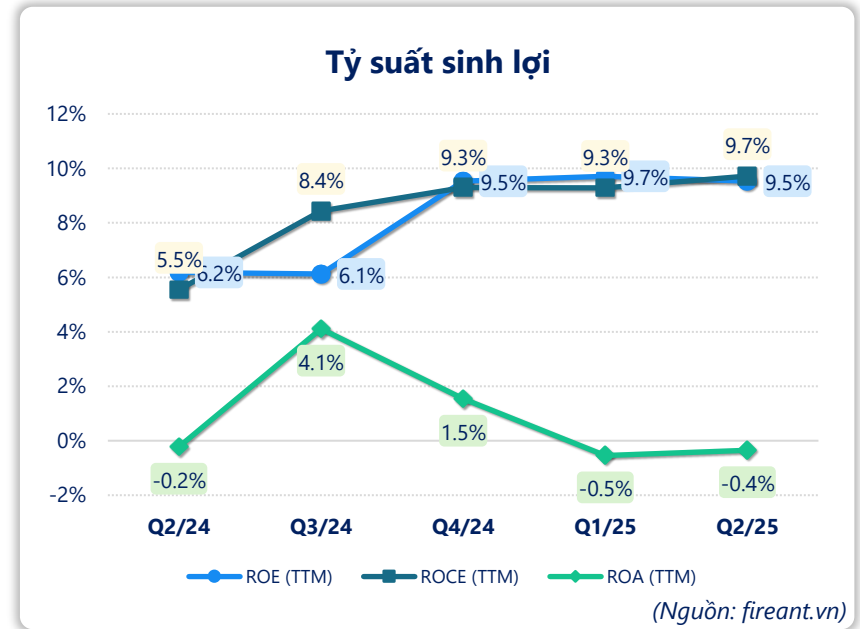
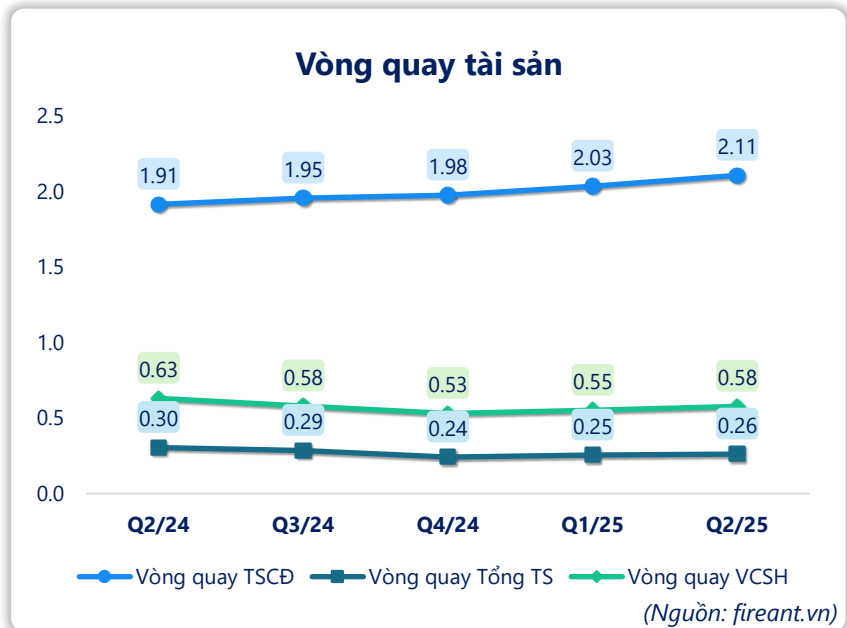
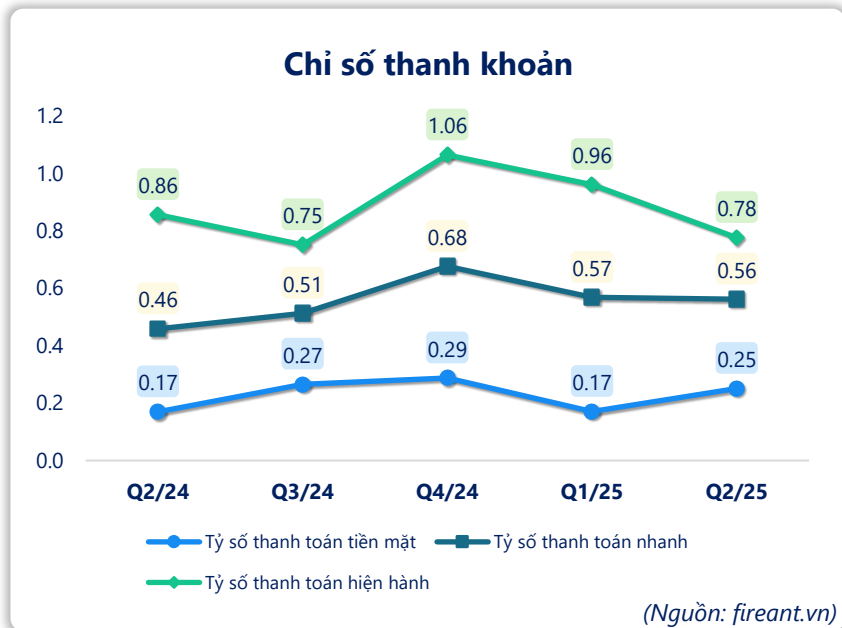
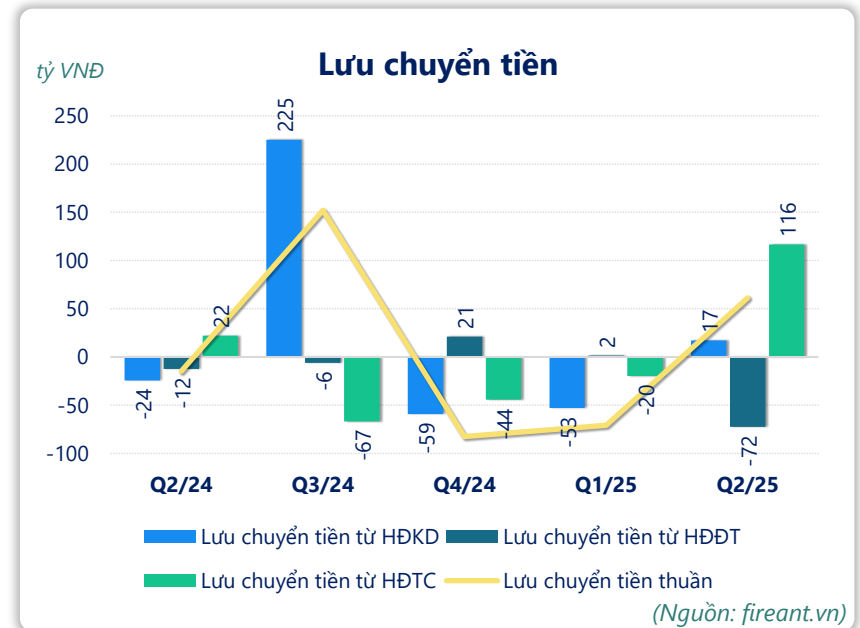
	YTD	1T	3T	6T
OCH	5.4%	1.7%	-4.8%	3.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



CTCP One Capital Hospitality (HNX: OCH)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,761	3,853	-2.4%
Tài sản ngắn hạn	496	629	-21.1%
Tiền và tương đương tiền	160	170	-5.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.8	26.0	37.7%
Phải thu ngắn hạn	144	186	-22.5%
Hàng tồn kho	137	229	-40.3%
Tài sản ngắn hạn khác	19.2	18.4	4.7%
Tài sản dài hạn	3,266	3,225	1.3%
Phải thu dài hạn	204	203	0.5%
Tài sản cố định	471	483	-2.4%
Bất động sản đầu tư	20.6	21.2	-2.8%
Tài sản dở dang	179	182	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,085	2,085	0.0%
Tài sản dài hạn khác	219	219	-0.1%
Lợi thế thương mại	87.1	32.1	171%
Nợ phải trả	1,928	1,939	-0.6%
Nợ ngắn hạn	639	590	8.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	256	155	65.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.9	25.6	4.9%
Nợ dài hạn	1,289	1,349	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,210	1,270	-4.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,833	1,914	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	1,833	1,914	-4.2%
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	151	577	137	128	178
Giá vốn hàng bán	98.2	232	94.6	93.7	113
Lợi nhuận gộp	53.0	344	42.6	34.7	64.7
Doanh thu HĐTC	6.29	6.15	5.76	2.19	3.08
Chi phí TC	26.6	36.8	28.0	26.8	27.2
Chi phí lãi vay	26.5	26.7	27.9	26.8	27.2
LN trong công ty LKLD	-1.99	-0.26	2.25	0	0
Chi phí bán hàng	24.2	108	28.2	26.3	27.8
Chi phí QLDN	29.2	37.3	40.5	24.0	27.2
LN thuần từ HĐKD	-22.7	168	-46.0	-40.3	-14.4
Lợi nhuận khác	-3.02	55.1	94.1	-2.71	-3.18
LN trước thuế	-25.7	224	48.1	-43.0	-17.6
Lợi nhuận sau thuế	-30.5	206	40.6	-43.9	-22.5
LNST của CĐ cty mẹ	-7.14	141	62.6	-21.2	-13.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-24.3	225	-59.3	-52.8	17.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	-6.09	21.0	1.64	-72.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.0	-66.8	-44.2	-19.8	116
Tiền đầu kỳ	115	100	252	170	98.8
Lưu chuyển tiền thuần	-14.8	152	-82.5	-70.9	61.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.06	0	-0.05	0	0.06
Tiền cuối kỳ	100	252	170	98.8	160

(Nguồn: fireant.vn)